

Số: 53/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Vĩnh Long, ngày 08 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2024.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Số H, đường L, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Võ Thành N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Võ Thành N có 01 con chung tên Võ Thanh S, sinh ngày 23/5/2016. Bà T và ông N thỏa thuận: Giao cháu S cho ông N nuôi dưỡng và giáo dục, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Trần Thị T** và ông **Võ Thành N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**Án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà **Trần Thị T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà **T** được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 03/6/2024 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0006954 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà **T** đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm sát thành phố Vĩnh Long;
- Chi cục Thi hành án thành phố Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Minh Trường**